

Chi tiết mã HS 8539

|                     |                                                                                                                                                                    |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mã HS               | 8539                                                                                                                                                               |
| Mô tả hàng hóa      | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) |
| Đơn vị              |                                                                                                                                                                    |
| Thời điểm tạo       | 30/10/2026 15:31:21                                                                                                                                                |
| Phiên bản dữ liệu   | 2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx                                                                                                                         |
| Trạng thái xác minh | Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.                                                   |
| Liên kết            | <a href="https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/8539/">https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/8539/</a>                                                            |

40 dòng thuế thuộc 8539

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT                |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------------|-----|--------------------|
| 8539.10.10 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Đèn pha gắn kín (sealed beam lamp units): / - - Dùng cho xe có động cơ thuộc Chương 87                                                          | chiếc  | 30%                  | 20% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.10.90 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Đèn pha gắn kín (sealed beam lamp units): / - - Loại khác                                                                                       | chiếc  | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.21.20 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Bóng đèn ha-lo-gien vonfram: / - - - Dùng cho thiết bị y tế | chiếc  | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.21.30 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Bóng đèn ha-lo-gien vonfram: / - - - Dùng cho xe có động cơ | chiếc  | 30%                  | 20% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.21.40 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Bóng đèn ha-lo-gien vonfram: / - - - Bóng đèn phản xạ khác  | chiếc  | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT                |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------------|-----|--------------------|
| 8539.21.90 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Bóng đèn ha-lo-gien vonfram: / - - - Loại khác                                                                                                                         | chiếc  | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.22.20 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp trên 100 V: / - - - Dùng cho thiết bị y tế                                                                          | chiếc  | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.22.31 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp trên 100 V: / - - - Bóng đèn phản xạ khác: / - - - - Loại dùng trong chiếu sáng trang trí, công suất không quá 60 W | chiếc  | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.22.32 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp trên 100 V: / - - - Bóng đèn phản xạ khác: / - - - - Loại dùng trong chiếu sáng trang trí, công suất trên 60 W      | chiếc  | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.22.33 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp trên 100 V: / - - - Bóng đèn phản xạ khác: / - - - - Loại khác, dùng cho chiếu sáng gia dụng                        | chiếc  | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.22.39 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp trên 100 V: / - - - Bóng đèn phản xạ khác: / - - - - Loại khác                                                      | chiếc  | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.22.91 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp trên 100 V: / - - - Loại khác: / - - - - Loại dùng trong chiếu sáng trang trí, công suất không quá 60 W             | chiếc  | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.22.93 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp trên 100 V: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác, dùng cho chiếu sáng gia dụng                                    | chiếc  | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT                |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------------|-----|--------------------|
| 8539.22.99 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp trên 100 V: / - - - Loại khác: / - - - - Loại khác                          | chiếc  | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.29.10 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho thiết bị y tế                                                                                      | chiếc  | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.29.20 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác: / - - - Dùng cho xe có động cơ                                                                                      | chiếc  | 37,5%                | 25% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.29.30 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác: / - - - Bóng đèn phản xạ khác                                                                                       | chiếc  | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.29.41 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác: / - - - Bóng đèn flash; bóng đèn hiệu cỡ nhỏ, danh định đến 2,25 V: / - - - - Loại thích hợp dùng cho thiết bị y tế | chiếc  | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.29.49 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác: / - - - Bóng đèn flash; bóng đèn hiệu cỡ nhỏ, danh định đến 2,25 V: / - - - - Loại khác                             | chiếc  | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.29.50 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác: / - - - Loại khác, có công suất trên 200 W nhưng không quá 300 W và điện áp trên 100 V                              | chiếc  | 37,5%                | 25% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.29.60 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác: / - - - Loại khác, có công suất không quá 200 W và điện áp không quá 100 V                                          | chiếc  | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.29.90 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Các loại bóng đèn dây tóc khác, trừ bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại: / - - Loại khác: / - - - Loại khác                                                                                                   | chiếc  | 10,5%                | 7%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.31.10 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bóng đèn phóng, trừ đèn tia cực tím: / - - Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng: / - - - Ống huỳnh quang dùng cho đèn huỳnh quang com-pắc                                                                             | chiếc  | 37,5%                | 25% | 8 / 10 (nhiều mức) |

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị | Thuế NK thông thường | MFN | VAT                |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|----------------------|-----|--------------------|
| 8539.31.20 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bóng đèn phóng, trừ đèn tia cực tím: / - - Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng: / - - - Loại khác, dạng ống thẳng dùng cho đèn huỳnh quang khác     | chiếc  | 37,5%                | 25% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.31.30 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bóng đèn phóng, trừ đèn tia cực tím: / - - Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng: / - - - Bóng đèn huỳnh quang com-pắc đã có chấn lưu lắp liền (SEN)  | chiếc  | 37,5%                | 25% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.31.90 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bóng đèn phóng, trừ đèn tia cực tím: / - - Bóng đèn huỳnh quang, ca-tốt nóng: / - - - Loại khác                                                   | chiếc  | 37,5%                | 25% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.32.00 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bóng đèn phóng, trừ đèn tia cực tím: / - - Bóng đèn hơi thủy ngân hoặc natri; bóng đèn ha-lo-gien kim loại                                        | chiếc  | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.39.10 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bóng đèn phóng, trừ đèn tia cực tím: / - - Loại khác: / - - - Ống huỳnh quang dùng cho đèn huỳnh quang com-pắc                                    | chiếc  | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.39.20 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bóng đèn phóng, trừ đèn tia cực tím: / - - Loại khác: / - - - Bóng đèn huỳnh quang ca-tốt lạnh (CCFLs) để chiếu sáng từ phía sau của màn hình dệt | chiếc  | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.39.40 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bóng đèn phóng, trừ đèn tia cực tím: / - - Loại khác: / - - - Bóng đèn huỳnh quang ca-tốt lạnh khác                                               | chiếc  | 15%                  | 10% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.39.90 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bóng đèn phóng, trừ đèn tia cực tím: / - - Loại khác: / - - - Loại khác                                                                           | chiếc  | 12%                  | 8%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.41.00 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bóng đèn tia cực tím hoặc bóng đèn tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang: / - - Bóng đèn hồ quang                                                     | chiếc  | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.49.00 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bóng đèn tia cực tím hoặc bóng đèn tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang: / - - Loại khác                                                             | chiếc  | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |

| Mã HS      | Mô tả hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị   | Thuế NK thông thường | MFN | VAT                |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------------------|-----|--------------------|
| 8539.51.00 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED): / - - Mô-đun đi-ốt phát quang (LED)                                  | chiếc    | 7,5%                 | 5%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.52.10 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED): / - - Bóng đèn đi-ốt phát quang (LED): / - - - Loại đầu đèn ren xoáy | chiếc    | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.52.90 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED): / - - Bóng đèn đi-ốt phát quang (LED): / - - - Loại khác             | chiếc    | 5%                   | 0%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.90.10 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bộ phận: / - - Nắp bịt nhôm dùng cho bóng đèn huỳnh quang; đui xoáy nhôm dùng cho bóng đèn dây tóc      | kg/chiếc | 7,5%                 | 5%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.90.20 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bộ phận: / - - Loại khác, dùng cho đèn của xe có động cơ                                                | kg/chiếc | 22,5%                | 15% | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.90.30 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bộ phận: / - - Loại khác, của phân nhóm 8539.51.00                                                      | kg/chiếc | 7,5%                 | 5%  | 8 / 10 (nhiều mức) |
| 8539.90.90 | Bóng đèn dây tóc hoặc bóng đèn phóng điện, kể cả đèn pha gắn kín và bóng đèn tia cực tím hoặc tia hồng ngoại; bóng đèn hồ quang; nguồn sáng đi-ốt phát quang (LED) / - Bộ phận: / - - Loại khác                                                                                | kg/chiếc | 4,5%                 | 3%  | 8 / 10 (nhiều mức) |

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.